MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự là hoạt động tố tụng hình sự đ- ợc thực hiện trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự. Với đề tài nghiên cứu khoa học của mình, tác giả lựa chọn và làm sáng tỏ một số điều của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 quy định về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự. Nh- vậy, nghiên cứu và làm rõ quy định về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự là một hoạt động nghiên cứu khoa học luật có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với thực tiễn xét xử vụ án hình sự của ngành Tòa án cũng nh- hoạt động xây dựng, áp dụng pháp luật hình sự và các ngành luật khác có liên quan. Tính đến thời điểm này, trong khoa học pháp lý không nhiều đề tài nghiên cứu, bài viết đề cập đến vấn đề lý luận cơ bản cũng nh- thực tiễn áp dụng quy phạm pháp luật về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

Các quy định về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 so với quy định tr- ớc đó đã có nhiều điểm mới và cụ thể hơn nh- ng vẫn còn một số hạn chế ch- a đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thực tiễn xét xử trong quá trình cải cách t- pháp. Đây là một hoạt động nghiên cứu khoa học luật rất có ích, nhất là đối với những ng- ời làm công tác thực tiễn. Hoạt động này giúp cho các nhà xây dựng pháp luật, áp dụng pháp luật và đặc biệt hơn cả là đối với những ng- ời làm công tác xét xử có quyết định đúng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nhà n- ớc, công dân và xã hội.

Đây là một đề tài nghiên cứu khoa học luật t- ơng đối rộng và có sức hấp dẫn rất lớn đối với tôi vì một số lý do sau:

Thứ nhất, hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự quy định trong Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 còn thiếu rõ ràng, cụ thể là một số khái niệm sau đây đ- ợc hiểu nh- thế nào: Thế nào là chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự? Chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự? Bản chất pháp lý và nội dung hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự ? Nguyên nhân một số v- ớng mắc trong thực tiễn hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự và giải pháp khắc phục nh- thế nào? Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự khác với chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự ở chỗ nào?

Thứ hai, đây là một chế định liên quan đồng thời đến nhiều ngành luật chứ không chỉ đối với ngành luật hình sự và tố tụng hình sự. Do đó, việc làm rõ khái niệm

này cần phải có sự kết hợp đồng bộ giữa nhiều ngành luật khác nhau. Vì vậy, có thể nói rằng nghiên cứu những quy định của pháp luật về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự là điều kiện cần và đủ đối với hoạt động xét xử vụ án hình sự.

Thứ ba, hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự đ- ợc quy định trong Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 là sự thể hiện một phần các nguyên tắc nhân đạo, nguyên tắc công bằng, nguyên tắc xác định sự thật của vụ án. Sự tồn tại những quy định này là cơ sở cho những ng- ời làm công tác trong lĩnh vực pháp luật có một định h- ớng đúng đắn khi vận dụng, xây dựng pháp luật. Những ng- ời làm công tác áp dụng pháp luật có một quyết định đúng đắn: Có đ- a vụ án ra xét xử hay không? Quyết định đình chỉ vụ án hay tạm đình chỉ vụ án? Quyết định có trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay không?. Bên cạnh đó, hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự còn góp phần đảm bảo cho việc thực hiện nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm hình sự, mà nội dung cơ bản của nguyên tắc này là: Chỉ những ng- ời thực hiện hành vi phạm tội đ- ợc quy định tại Bộ Luật Hình sự mới phải chịu trách nhiệm hình sự. Mọi hành vi phạm tội phải đ- ợc phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng và khách quan theo đúng pháp luật với mục đích không bỏ lọt tội phạm và ng- ời phạm tội, tránh làm oan ng- ời vô tội.

Thứ t- , các báo cáo tổng kết công tác năm của ngành Tòa án cả n- ớc nói chung và ngành Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nói riêng những năm gần đây, khi đề cập đến các vụ án hình sự, quyết định của Tòa án bị sửa, huỷ thì nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên là do một số những ng- ời tiến hành tố tụng còn thiếu kỹ năng nghiệp vụ, chuyên môn và còn chủ quan trong hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự nên dẫn đến tình trạng huỷ, sửa án. Nh- vậy, để tránh tình trạng sửa, huỷ án thì những ng- ời tiến hành tố tụng mà trong đó Thẩm phán đ- ợc phân công chủ tọa phiên tòa là ng- ời chịu trách nhiệm chủ đạo phải có kỹ năng và trình độ chuyên môn cao trong hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự nói riêng và xét xử vụ án hình sự nói chung.

Từ những lập luận trên, tôi chọn đề tài "Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự - Thực trạng và giải pháp" để nghiên cứu và bảo vệ với mong muốn đề tài khoa học thành công sẽ đồng thời có ý nghĩa trên hai ph- ơng diện lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự đã đ- ợc một số tác giả nghiên cứu ở nhiều cấp độ khác nhau.

Công trình nghiên cứu mang tính đại c- ơng có: 1. GS.TSKH Lê Văn Cảm chủ trì (2009), Giáo trình T- pháp Hình sự. Bộ môn T- pháp Hình sự - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội; 2.TS. Nguyễn Ngọc Chí chủ biên (2001), Giáo trình Luật tố tụng Hình sự Việt Nam, Khoa Luật Đại học quốc gia Hà Nội. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội; 3. PGS.TS Hoàng Thị Minh Sơn chủ biên (2008) Giáo trình Luật tố tụng Hình sự Việt Nam (tái bản lần thứ 4 có sửa đổi, bổ sung), Tr- ờng Đại học Luật Hà Nội. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội; 4. TS. Nguyễn Sơn (2004), Phần 5 Ch- ơng 2. Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự - Giáo trình kỹ năng giải quyết vụ án hình sự. Nxb T- pháp, Hà Nội. 5. TS. Lê Văn Cảm (2005), Những vấn đề cơ bản trong khoa học Luật hình sự phần chung, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.

Công trình nghiên cứu chuyên sâu có: 1. Th.s Tống Thị Thanh Thanh (2004), Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, luận văn thạc sĩ Luật học, Học viện t- pháp. 2. Th.s Nguyễn Thị Thu Hiền (2011), Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, luận văn thạc sĩ Luật học, Tr- ờng Đại học Luật Hà Nội.

Các bài viết có: 1. TS. Hoàng Thị Minh Sơn: "Một số quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự về quyết định của Toà án trong hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm và thực tiễn áp dụng", tạp chí Luật học số 7/2009; 2. Vũ Gia Lâm (2011), "Hoàn thiện một số quy định về xét xử sơ thẩm hình sự nhằm thực hiện có hiệu quả nguyên tắc hai cấp xét xử". Tạp chí Tòa án nhân dân (số 21/T11 - 2011), tr1-7; 3. Nguyễn Đức Lực (2011), "Thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự – Những v- ớng mắc trong việc xác định thẩm quyền xét xử", TAQS khu vực 1 - quân khu 3. Tạp chí Tòa án nhân dân (số 1/T1-2011), tr23, 25 - 27; 4. Đinh Văn Quế (2011), "Phương hướng hoàn thiện các quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự về xét xử sơ thẩm các vụ án hình sự. Tạp chí Tòa án nhân dân (số 17/T9 - 2011), tr 16 - 18; 5. Nguyễn Minh Sử (2011), "Kiến nghị nhằm nâng cao vị thế độc lập của Thẩm phán trong hoạt động xét xử". Tạp chí Tòa án nhân dân (số 14/T7 - 2011), tr 1- 3.

Các công trình khoa học và bài viết kể trên đều có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn, nh- ng ch- a có công trình và bài viết nào nghiên cứu một cách đầy đủ, bởi ch- a đề cập đến hoạt động chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm sáng tỏ lý luận và nội dung cơ bản của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự theo Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003, việc áp dụng các quy định này trong thực tiễn cũng nh- xác định một số bất cập và nguyên nhân của nó, tác giả đề xuất những giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng chế định này trong hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Mặt lý luận: Xây dựng khái niệm, phân tích đặc điểm cơ bản của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự, đồng thời phân tích và đánh giá những quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

Mặt thực tiễn: Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá việc áp dụng các quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử các vụ án hình sự. Thông qua đó phân tích những tồn tại của việc áp dụng các quy định pháp luật đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự. Từ việc nghiên cứu và phân tích trên để xác định nguyên nhân hạn chế và định h- ớng khắc phục đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

4. Đối t- ợng và phạm vi nghiên cứu

Đối t- ợng nghiên cứu

Thứ nhất, các vấn đề lý luận cơ bản của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

Thứ hai, quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự: Thụ lý và nghiên cứu hồ sơ, xác định thẩm quyền xét xử vụ án, quyết định trong hoạt động chuẩn bị xét xử, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và một số hoạt động cần thiết khác cho việc mở phiên tòa.

Phạm vi nghiên cứu

Không nghiên cứu sâu vấn đề lý luận mà tập trung nghiên cứu những quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 và thực tiễn áp dụng các hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự. Bên cạnh đó, tác giả cũng đề cập đến một số quy phạm khác của Bộ Luật Hình sự và một số ngành luật có liên quan nhằm hỗ trợ cho việc giải quyết nhiệm vụ và đối t- ợng nghiên cứu.

Trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn áp dụng các quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 trong hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự từ năm 2006 đến nay, tác

giả có điểm qua một vài quy phạm pháp luật tr- ớc đó trong tiến trình phát triển của lịch sử lập hiến và lập pháp với tinh thần kế thừa có chọn lọc và phát triển.

5. Ph- ơng pháp nghiên cứu

Dựa trên cơ sở lý luận và ph- ơng pháp luận Triết học Mác - Lênin, t- t- ởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà n- ớc Việt Nam ta về vấn đề cải cách t- pháp và xây dựng nhà n- ớc pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

6. Điểm mới của luận văn

Trên cơ sở nguyên tắc hai cấp xét xử, tác giả nghiên cứu đầy đủ hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự ở hai cấp xét xử là: Chuẩn bị xét xử sơ thẩm và chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

Đây là công trình nghiên cứu khoa học chuyên ngành luật tố tụng hình sự Việt Nam t- ơng đối có hệ thống và đầy đủ về các vấn đề lý luận và thực tiễn đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự ở cấp độ một luận văn thạc sĩ. Trong công trình nghiên cứu khoa học của mình, tác giả đã làm sáng tỏ một số vấn đề sau: Phân tích một cách có hệ thống và t- ơng đối toàn diện vấn đề lý luận và thực tiễn đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự : khái niệm, bản chất pháp lý và đặc điểm cơ bản của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự, các quyết định và việc áp dụng biện pháp ngăn chặn. Các kỹ năng nghề nghiệp, chuyên môn của những ng- ời tiến hành tố tụng mà vai trò chủ đạo là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải tuân thủ, chấp hành đúng pháp luật, thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nhà n- ớc, tổ chức, cơ quan và cá nhân.

Phân tích từng trình tự, thủ tục trong các hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự với mục đích: Xây dựng định nghĩa, nội dung, tầm quan trọng và điều kiện áp dụng để có đ- ợc sự đánh giá tổng hợp thế mạnh và hạn chế của chế định này trên ph- ơng diện lý luận về lập pháp tố tụng hình sự.

Phân tích việc áp dụng các quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự trong thực tiễn hoạt động của Tòa án từ năm 2006 đến nay và điểm qua một số quy định pháp luật về vấn đề này trong lịch sử lập pháp. Qua đó để có nhận thức đúng về thực trạng áp dụng pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến xét xử vụ án hình sự ở n- ớc ta trong thời gian qua. Qua đó cũng nêu

và phân tích một số nguyên nhân dẫn đến những hạn chế khó khăn, v- ớng mắc trong thực tiễn áp dụng để đ- a ra một số giải pháp khắc phục. Đồng thời cũng đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự theo quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003.

7. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Mặt lý luận: Đây là công trình nghiên cứu khoa học t- ơng đối toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự theo Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003.

Mặt thực tiễn: Xác định đúng những điều kiện cụ thể của từng tr- ờng hợp áp dụng quy định của pháp luật đối với hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự trong thực tiễn xét xử của Tòa án. Đồng thời cũng đề xuất một số giải pháp về việc đào tạo cán bộ, quy hoạch lại và sắp xếp một số ch- ơng, điều luật liên quan, thêm mới và sửa đổi bổ sung nhằm hoàn thiện các điều luật này ở khía cạnh lập pháp với mục đích giúp việc chỉ dẫn, áp dụng pháp luật trong thực tiễn ngày một tốt hơn. Đề tài còn có thể trở thành nguồn tài liệu tham khảo đối với một số nhà nghiên cứu khoa học luật, những ng- ời làm công tác xây dựng, nghiên cứu, giảng dạy và áp dụng pháp luật; Luật gia, cán bộ hoạt động trong lĩnh vực pháp luật; Sinh viên, học viên cao học chuyên ngành t- pháp hình sự và đặc biệt hơn nữa đó không những là nguồn tài liệu mà còn là hoạt động thực tiễn gắn liền với công tác xét xử các vụ án hình sự của toàn ngành Tòa án.

8. Kết cấu luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, trang phụ bìa, mục lục, danh mục bảng, danh mục sơ đồ, danh mục biểu đồ, luận văn có bố cục ba ch- ơng.

Ch- ơng 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VÀ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

1.1. Khái niệm và đặc điểm của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

1.1.1. Khái niệm hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự là hoạt động tố tụng hình sự do những ng- ời tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền thực hiện từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa.

1.1.2. Đặc điểm của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

Chủ thể chịu trách nhiệm chính của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Mục đích của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự là:

- Quyết định đình chỉ vụ án hoặc tạm đình chỉ vụ án.
- Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
- Quyết định đ- a vụ án ra xét xử.

1.2. Vai trò và ý nghĩa của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

Là điều kiện cần và đủ cho các hoạt động tố tụng hình sự tiếp theo:

- Hoạt động áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc biện pháp bắt buộc chữa bệnh trong tr- ờng hợp tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án;
- Hoạt động điều tra bổ sung trong tr- ờng hợp quyết định yêu cầu điều tra bổ sung;
- Hoạt động xét xử tại phiên tòa và thi hành án hình sự.

1.3. Quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

1.3.1. Quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

1.3.1.1. Thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

Khoản 2 Điều 176.

Là khoảng thời gian để những ng- ời tiến hành tố tụng thực hiện hoạt động tố tụng hình sự tr- ớc khi xét xử vụ án hình sự và các công việc cần thiết khác chuẩn bị cho việc mở phiên tòa; Hoặc quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án.

Thời điểm bắt đầu: Thụ lý hồ sơ vụ án.

Thời hạn: Tội phạm ít nghiêm trọng là 30 ngày, gia hạn 15 ngày; Tội phạm nghiêm trọng là 45 ngày, gia hạn 15 ngày; Tội phạm rất nghiêm trọng là 2 tháng, gia hạn 30 ngày; Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là 3 tháng, gia hạn 30 ngày.

Thời điểm kết thúc:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định đ- a vụ án ra xét xử và Th- ký phiên tòa làm các thủ tục mở phiên tòa xét xử công khai, xét xử kín hoặc xét xử l- u động tùy theo tính chất từng vụ án; Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung và Th- ký phiên tòa làm thủ tục trả hồ sơ cho Viện kiểm sát; Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ vụ án thì ngày ra quyết định là ngày kết thúc thời hạn chuẩn bị xét xử.

1.3.1.2. Nghiên cứu hồ sơ

Khoản 1 Điều 176.

- Chủ thể:

+ Hội đồng xét xử (trừ Th- ký Tòa án), ng- ời chịu trách nhiệm chính là Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

+ Luật s- bào chữa cho bị can, bị cáo; Ng- ời bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đ- ơng sự.

- Mục đích để giải quyết các vấn đề sau:

+ Vụ án thông th- ờng: Có đúng thẩm quyền? Có cần chuyển, tách, nhập vụ án không? Thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố đã đúng và đầy đủ ch- a?. Việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đúng không? Xử lý vật chứng, đảm bảo bồi th- ờng thiệt hại? Đã có đủ tài liệu, chứng cứ để làm rõ những vấn đề phải chứng minh ch- a? Hành vi có cấu thành tội phạm không? Việc định tội, viện dẫn pháp luật trong bản cáo trạng đã đúng ch- a? Căn cứ để đ- a vụ án ra xét xử hay cần trả hồ sơ để điều tra bổ sung, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án?.

+ Thủ tục rút gọn: Thời gian nghiên cứu hồ sơ, ra các quyết định trong 7 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ vụ án.

+ Vụ án có yếu tố n- ớc ngoài: Phải phù hợp với các hiệp định t- pháp mà n- ớc có ng- ời vi phạm pháp luật hình sự Việt Nam đã ký kết với Việt Nam.

1.3.1.3. Các quyết định của Tòa án trong hoạt động chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

Điều 177.

+ Áp dụng: Bị can ch- a bị Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát áp dụng bất kỳ một biện pháp ngăn chặn nào hoặc đã bị áp dụng nh- ng đến thời điểm Tòa án thụ lý thì biện pháp đó đã bị hủy bỏ.

+ Thay đổi: Là việc buộc bị can, bị cáo phải chịu một trong các biện pháp quy định tại Điều 79 Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 thay cho biện pháp mà Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã áp dụng.

+ Hủy bỏ: Không cần thiết phải áp dụng biện pháp ngăn chặn nữa.

Chủ thể: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Bao gồm: bắt, tạm giữ, tạm giam, cấm đi khỏi nơi c- trú, bảo lĩnh, đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm.

Biện pháp tạm giam.

Điều 88.

Thẩm quyền: Chánh án hoặc Phó Chánh án Tòa án. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thấy có căn cứ để tạm giam phải báo cáo Chánh án hoặc Phó Chánh án quyết định.

Áp dụng: Bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc tội nghiêm trọng, ít nghiêm trọng mà Bộ Luật Hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng ng- ời đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Thời hạn tạm giam không đ- ợc quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

Gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử mà thời hạn tạm giam đã gần hết nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam thì Chánh án Tòa án ra lệnh giam tiếp.

Biện pháp bắt bị can, bị cáo để tạm giam.

Điểm b,c khoản 1 Điều 80.

Biện pháp cấm đi khỏi nơi c- trú.

Điều 91.

Ng- ời có thẩm quyền: Chánh án, Phó Chánh án Tòa án các cấp; Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử; Thẩm phán đ- ợc phân công chủ tọa phiên tòa.

Biện pháp bảo lĩnh.

Điều 92.

Thẩm quyền: Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, Phó Chánh Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử, Thẩm phán đ- ợc phân công chủ tọa phiên tòa.

Biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm thay thế biện pháp tạm giam.

Điều 93.

Thẩm quyền: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

Mục đích là đảm bảo sự có mặt của bị can, bị cáo theo giấy triệu tập.

- Quyết định đ- a vụ án ra xét xử.

Điều 178.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nếu thấy có đủ chứng cứ để xét xử, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định đ- a vụ án ra xét xử.

Thủ tục rút gọn. Điều 324 Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định áp dụng khi ng- ời thực hiện hành vi phạm tội bị bắt quả tang; Sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng; Tội phạm đã thực hiện là tội phạm ít nghiêm trọng; Ng- ời phạm tội có căn c- ớc rõ ràng. Chỉ đ- ợc áp dụng ở cấp sơ thẩm. Thời hạn chuẩn bị xét xử theo thủ tục rút gọn là 7 ngày. Thời hạn mở phiên tòa xét xử kể từ ngày quyết định đ- a vụ án ra xét xử là 7 ngày. Trong thời hạn 7 ngày, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phải ra các quyết định nh- đối với vụ án theo thủ tục chung.

Vụ án có yếu tố n- ớc ngoài: Quyết định đ- a vụ án ra xét xử cũng nh- các vụ án thông th- ờng nh- ng phải có ng- ời phiên dịch. Nếu bị can, ng- ời bị hại, đ- ơng sự là ng- ời n- ớc ngoài thì ng- ời phiên dịch do Tòa án mời. Tr- ờng hợp ng- ời n- ớc ngoài ủy quyền cho ng- ời Việt Nam đại diện tham gia phiên tòa thì không cần phiên dịch.

- Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Điều 179.

Thẩm quyền: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Áp dụng: Khi cần xem xét thêm những chứng cứ quan trọng đối với vụ án mà không thể bổ sung tại phiên tòa đ- ợc; Khi có căn cứ để cho rằng bị cáo phạm một tội khác hoặc có đồng phạm khác; Khi phát hiện có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án.

Điều 180.

Thẩm quyền: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Áp dụng: Bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác có chứng nhận của Hội đồng giám định pháp y; Ch- a xác định đ- ợc bị can ở đâu. Nếu không biết nơi ở thì chỉ tạm đình chỉ vụ án khi đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử; Đã tr- ng cầu giám định nh- ng ch- a có kết quả giám định mà hết thời hạn chuẩn bị xét xử thì tạm đình chỉ vụ án và việc giám định vẫn tiếp tục đ- ợc tiến hành cho đến khi có kết quả; Khi có một trong những căn cứ tại khoản 2 Điều 105 và các điểm 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 107 của Bộ Luật này hoặc khi Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố tr- ớc khi mở phiên tòa; Viện kiểm sát rút quyết định truy tố.

Quyết định đình chỉ phải ghi rõ: Thời gian, lý do, căn cứ đình chỉ vụ án.

1.3.1.4. Các hoạt động khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Điều 182.

- Giao các quyết định. (Quyết định đ- a vụ án ra xét xử, quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung, Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; Hoặc các quyết định liên quan đến việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn).

Thẩm quyền: Th- ký Tòa án

Thời hạn: Chậm nhất là 10 ngày tr- ớc khi mở phiên tòa.

Những ng- ời đ- ợc nhận các quyết định: Bị can, bị cáo, ng- ời bào chữa, ng- ời đại diện hợp pháp của bị can, bị cáo; Viện kiểm sát cùng cấp; Đối với những ng- ời tham gia tố tụng khác chỉ cần gửi giấy báo về các quyết định trên. Những vụ án có yếu tố n- ớc ngoài thì các văn bản tố tụng hình sự đ- ợc gửi cho Đại sứ quán và Cục lãnh sự Bộ Ngoại giao nơi quản lý ng- ời tham gia tố tụng đó.

- Giao giấy triệu tập những ng- ời cần xét hỏi đến phiên tòa

Thẩm quyền: Th- ký Tòa án.

Những ng- ời đ- ợc nhận: Bị can, ng- ời bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và ng- ời đại diện hợp pháp của họ, ng- ời bào chữa, ng- ời bảo vệ quyền lợi của đ- ơng sự, ng- ời làm chứng, ng- ời giám định, ng- ời phiên dịch.

1.3.2. Quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2003 về chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

Điều 230.

Phúc thẩm: Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại các vụ án hoặc xét lại quyết định sơ thẩm mà bản án, quyết định sơ thẩm đối với vụ án đó ch- a có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo hoặc kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Mục đích: Kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định sơ thẩm bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của nhà n- ớc, công dân, tổ chức xã hội bị xâm hại.

Bản án phúc thẩm là một hình thức án mẫu để tòa cấp d- ới học tập và rút kinh nghiệm cho việc xét xử.

1.3.2.1. Thụ lý hồ sơ.

Điều 241.

Thẩm quyền: Th- ký Tòa án.

Mục đích: Kiểm tra bút lục, tính hợp pháp về mặt hình thức và kiểm tra sơ bộ nội dung đơn kháng cáo để chuyển cho lãnh đạo phân công hồ sơ vụ án cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa.

1.3.2.2. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Điều 242.

Là khoảng thời gian kể từ ngày Tòa án cấp phúc thẩm nhận đ- ợc hồ sơ vụ án đến khi mở phiên tòa phúc thẩm hoặc đình chỉ vụ án nếu có đơn rút kháng cáo hoặc quyết định rút kháng nghị.

Thời hạn của Tòa án cấp tỉnh và Tòa án quân sự cấp quân khu phải mở phiên tòa phúc thẩm trong 60 ngày; Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án quân sự trung - ơng phải mở phiên tòa phúc thẩm trong 90 ngày.

Chậm nhất là 15 ngày tr- ớc ngày mở phiên tòa, Tòa án cấp phúc thẩm phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và những ng- ời tham gia tố tụng về thời gian, địa điểm xét xử phúc thẩm vụ án.

Đối với Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án quân sự trung - ơng phải mở phiên tòa phúc thẩm không quá 90 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc hồ sơ vụ án. Thời hạn đó bao gồm cả thời gian Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ để chuẩn bị tham gia phiên tòa phúc thẩm.

1.3.2.3. Hội đồng xét xử phúc thẩm và nghiên cứu hồ sơ.

Điều 244.

- Hội đồng xét xử phúc thẩm: Gồm ba Thẩm phán, khi cần thiết có thêm hai hội thẩm.

- Nghiên cứu hồ sơ.

Điều 241.

Kiểm tra tính hợp pháp của đơn kháng cáo.

- Bị cáo có quyền kháng cáo đối với quyết định của bản án sơ thẩm, gồm: tội danh, điều, khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt chính và hình phạt bổ sung, biện pháp t- pháp, xử lý vật chứng, án phí. Bị cáo là ng- ời thành niên và không có nh- ợc điểm về thể chất và tinh thần, họ phải tự mình thực hiện quyền kháng cáo. Bị cáo là ng- ời ch- a thành niên hoặc có nh- ợc điểm về thể chất hoặc tâm thần thì ng- ời bào chữa, ng- ời đại diện hợp pháp của bị cáo có quyền kháng cáo mà không cần có sự đồng ý hoặc yêu cầu của bị cáo.

- Ng- ời bị hại có quyền kháng cáo theo h- ớng tăng nặng hoặc giảm nhẹ đối với bản án sơ thẩm nh- : tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt chính và hình phạt bổ sung, bồi th- ờng thiệt hại, việc tuyên bị cáo vô tội, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án. Ng- ời bị hại là ng- ời thành niên và không có nh- ợc điểm về thể chất và tâm thần thì họ phải tự mình thực hiện quyền kháng cáo. Ng- ời bị hại là ng- ời ch- a thành niên hoặc có nh- ợc điểm về thể chất hoặc tinh thần, thì ng- ời đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo đối với bản án hoặc quyết định sơ thẩm nh- ng- ời bị hại. Ng- ời bị hại chết, thì thân nhân của họ nh- là: cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi, anh chị em ruột có quyền kháng cáo đối với bản án hoặc quyết định sơ thẩm nh- ng- ời bị hại. Nếu lợi ích giữa những ng- ời bị hại không mâu thuẫn với nhau, thì họ cử ng- ời đại diện thực hiện quyền kháng cáo. Nếu lợi ích giữa họ mâu thuẫn với nhau, thì họ thực hiện quyền kháng cáo độc lập.

- Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định sơ thẩm có liên quan đến việc bồi th- ờng thiệt hại. Những ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án và ng- ời đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ.

Việc kháng cáo quá hạn chỉ đ- ợc chấp nhận khi có lý do chính đáng và đ- ợc Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, kèm theo biên bản, tài liệu xác minh lý do kháng cáo quá hạn. Đây là một trong những cơ sở để Thẩm phán chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn để thông báo mở phiên tòa xét xử phúc thẩm theo thời gian luật định.

Kiểm tra tính hợp pháp của kháng nghị: Kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm bản án hoặc quyết định sơ thẩm không chỉ là quyền mà còn là trách nhiệm của Viện kiểm sát.

Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị những bản án hoặc quyết định sơ thẩm. Việc kháng nghị quá hạn của Viện kiểm sát trong mọi tr- ờng hợp đều không đ- ợc chấp nhận.

Ngoài Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Thẩm phán, Hội thẩm cùng Hội đồng xét xử là những ng- ời nghiên cứu hồ sơ vụ án thì Luật s- bào chữa cho bị cáo, ng- ời bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ng- ời bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng có quyền nghiên cứu hồ sơ. Thực tiễn xét xử vụ án hình sự cho thấy, những chủ thể nói trên th- ờng nghiên cứu hồ sơ liên quan đến bảo vệ quyền, lợi ích của thân chủ mà họ bảo vệ hoặc bào chữa.

1.3.2.4. Áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

Điều 243.

Biện pháp ngăn chặn là những biện pháp mang tính c- ỡng chế nhà n- ớc, đụng chạm trực tiếp đến các quyền và tự do cơ bản của công dân. Chỉ đ- ợc áp dụng các biện pháp này, đặc biệt là đối với biện pháp tạm giam trong tr- ờng hợp cần thiết và phải tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật.

Nh- vậy, việc áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn ở giai đoạn phúc thẩm là thẩm quyền của Tòa án cấp phúc thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án cấp sơ thẩm đã hay ch- a áp dụng biện pháp ngăn chặn.

Việc áp dụng đ- ợc thực hiện nh- cấp sơ thẩm.

1.3.2.5. Bổ sung chứng cứ tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Điều 246.

Đ- ợc thực hiện bởi ng- ời có quyền kháng cáo hoặc cơ quan kháng nghị. Những chứng cứ đ- ợc bổ sung tại Tòa án cấp phúc thẩm trong giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án hình sự th- ờng là những chứng cứ ch- a có trong hồ sơ vụ án.

Kết luận ch- ơng 1

Ch- ơng 2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2003 VỀ CHUẨN BỊ XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

2.1. Thực trạng thực hiện những quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự về chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

2.1.1. Kết quả

- Năm 2006 Tòa án thụ lý 62.166 vụ án, năm 2007/65.559 vụ án, năm 2008/64.381 vụ án, năm 2009/66.919 vụ án, năm 2010/71.680 vụ án. Số l- ợng vụ án thụ lý trong các năm gần đây tăng dần so với những năm tr- ớc nh- ng tỷ lệ đ- a vụ án ra xét xử lại giảm. Nguyên nhân là do số vụ án mà Tòa án quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung cho Viện kiểm sát ch- a đ- ợc điều tra xong chiếm tỷ lệ t- ơng đối lớn.

- Số vụ án tạm đình chỉ, đình chỉ trong khoảng thời gian trên có xu h- ớng tăng. Cụ thể: Năm 2006/348 vụ án, tỷ lệ 0,56%; Năm 2007/249 vụ án, tỷ lệ 0,38%; Năm 2008/251 vụ án, tỷ lệ 0,39%; Năm 2009/773 vụ án, tỷ lệ 1,15%; Năm 2010/785 vụ án, tỷ lệ 1,25%

- Tỷ lệ trả hồ sơ để điều tra bổ sung có xu h- ớng giảm, cụ thể: Năm 2006/3.236 vụ án, tỷ lệ 5,21%; Năm 2007/3.297 vụ án, tỷ lệ 5,03%; Năm 2008/2.969 vụ án, tỷ lệ 4,61%; Năm 2009/2.692 vụ án, tỷ lệ 4,02%; Năm 2010/2.179 vụ án, tỷ lệ 3,03%.

- Tỷ lệ xét xử vụ án hình sự biến động không đều qua các năm, nguyên nhân là do số vụ án đình chỉ, tạm đình chỉ và trả hồ sơ điều tra bổ sung cũng có thay đổi: Năm 2006/59.787 vụ án, tỷ lệ 96,26%; Năm 2007/60.267 vụ án, tỷ lệ 97,40%; Năm 2008/58.449 vụ án, tỷ lệ 90,79%; Năm 2009/60.443 vụ án, tỷ lệ 90,31%; Năm 2010/68.381 vụ án, tỷ lệ 90,31%.

Qua thống kê kết quả trên đã khẳng định đẳng cấp và trình độ quản lý, năng lực lãnh đạo của cán bộ ngành Tòa án, năng lực chuyên môn của những ng- ời tiến hành tố tụng nói chung và đặc biệt là trình độ chuyên môn của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa với sự hỗ trợ tích cực của Th- ký Tòa án.

2.1.2. Hạn chế

- Nghiên cứu hồ sơ: Còn một số thiếu sót do nguyên nhân chủ quan và khách quan trong việc thụ lý và nghiên cứu hồ sơ.

- Xác định thẩm quyền xét xử theo vụ việc và lãnh thổ.

- Quyết định áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn.

- Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung.

- Quyết định tạm đình chỉ vụ án.

- Quyết định đình chỉ vụ án.

- Quyết định đ- a vụ án ra xét xử.

- Triệu tập những ng- ời cần xét hỏi đến phiên tòa.

- Giao các quyết định.

2.2. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm

2.2.1. Hạn chế

- Tòa phúc thẩm còn ít mà số l- ợng xét xử các vụ án t- ơng đối nhiều cũng nh- địa bàn rộng nên bị quá tải hoặc nhiều khi văn bản ban hành, giải thích pháp luật ch- a thật sự phù hợp với thực tế từng địa ph- ơng: Ba miền Bắc - Trung - Nam chỉ có một Tòa phúc thẩm thuộc Tòa án nhân dân tối cao có trụ sở tại Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh. Mỗi tòa phúc thẩm đảm nhận một địa bàn xét xử phúc thẩm trên phạm vi lớn, thậm chí đến gần 30 tỉnh, thành phố trực thuộc trung - ơng.

- Vì nhiều lý do khác nhau, mỗi đợt xét xử phúc thẩm tại các địa ph- ơng th- ờng kéo dài trong nhiều ngày, nhiều tr- ờng hợp phải hoãn phiên tòa, mất thời gian công sức trong việc đi lại và tổ chức các phiên tòa, phiên tòa l- u động khiến cho công tác chuẩn bị xét xử phúc thẩm các vụ án hình sự rất khó khăn đối với Hội đồng xét xử.

- Một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự của giai đoạn này ch- a đ- ợc rõ ràng nh- ở cấp sơ thẩm nên phần lớn các hoạt động tố tụng hình sự của giai đoạn này đ- ợc thực hiện t- ơng tự nh- ở cấp sơ thẩm. Vì vậy, đôi khi có nhiều vụ án phúc thẩm bỏ qua một số hoạt động tố tụng nh- : nghiên cứu hồ sơ qua loa, chỉ dựa vào bản án và kháng cáo, quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát, hoặc bỏ sót đơn kháng cáo của ng- ời bị hại trong quá trình thụ lý vụ án làm ảnh h- ởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của những ng- ời tham gia tố tụng.

- Hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự ở cấp phúc thẩm đôi khi chỉ mang tính hình thức, là một trong những nguyên nhân dẫn đến việc hủy án để xét xử lại hoặc xét lại bản án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

2.2.2. Kết quả

- Từ năm 2006 - 2010 Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp đã thụ lý từ 60.000- 80.000 vụ án/năm. Số l- ợng các vụ án hình sự đã giải quyết chiếm tỷ lệ từ 96%/năm trở lên. Tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy chiếm khoảng từ 0,2- 0,6%/năm, trong đó nguyên nhân chủ quan 0,3% và nguyên nhân khách quan chiếm 0,33%, án bị sửa chiếm trung bình khoảng 4%/năm. Tỷ lệ án bị sửa giảm từ 0,15% - 0,16%, bị hủy do chủ quan tăng từ 0,2% - 0,21%.

- Tỷ lệ giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm đã thụ lý là t- ơng đối cao. Số l- ợng vụ án hình sự phúc thẩm, trung bình hàng năm, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý khoảng 9000 vụ và đã giải quyết đạt tỷ lệ khoảng 99%.

- Việc xét xử l- u động, các vụ án lớn phức tạp đã đáp ứng đ- ợc yêu cầu của thực tiễn xét xử. Ngành Tòa án xét xử từ 4.000 - 5.000 vụ án/năm. Riêng Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử l- u động từ 900 vụ án/năm - 1000 vụ án /năm.

Qua thống kê kết quả cho thấy trình độ chuyên môn cũng nh- công tác lãnh đạo của cán bộ, công chức ngành Tòa án ngày càng đ- ợc nâng cao.

Kết luận ch- ơng 2

Ch- ơng 3. NGUYÊN NHÂN HẠN CHẾ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ CHUẨN BỊ XÉT XỬ VỤ ÁN HÌNH SỰ

3.1. Nguyên nhân những hạn chế trong hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

3.1.1. Một số quy định của pháp luật về chuẩn bị xét xử vụ án hình sự ch- a đầy đủ và thiếu chặt chẽ

3.1.2. Trình độ chuyên môn của một bộ phận ng- ời tiến hành tố tụng còn hạn chế.

3.1.3. Sự kết hợp trong công tác giữa các cơ quan tiến hành tố tụng đôi khi ch- a chặt chẽ.

3.2. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

3.2.1. Hoàn thiện một số quy định của pháp luật tố tụng hình sự liên quan đến hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

Thứ nhất. Áp dụng các biện pháp ngăn chặn trong hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

- Biện pháp tạm giam:

+ Sửa đổi, bổ sung biện pháp tạm giam theo h- ớng tăng thẩm quyền đối với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa bằng việc trao cho họ quyền đ- ợc ký lệnh tạm giam.

+ Bổ sung: Trong tr- ờng hợp phải gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử thì thời hạn tạm giam không quá thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Biện pháp cấm đi khỏi nơi c- trú:

+ Sửa đổi, bổ sung biện pháp cấm đi khỏi nơi c- trú cụ thể hơn, trong tr- ờng hợp nếu ng- ời bị áp dụng biện pháp này vi phạm sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác là biện pháp tạm giam.

- Biện pháp bảo lĩnh:

+ Sửa đổi, bổ sung biện pháp bảo lĩnh cụ thể và rõ ràng hơn đối với cá nhân hoặc tổ chức nhận bảo lĩnh vi phạm nghĩa vụ đã cam đoan sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính, bị can đ- ợc nhận bảo lĩnh vi phạm nghĩa vụ cam đoan sẽ bị áp dụng biện pháp tạm giam.

- Biện pháp bảo lĩnh đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm

+ Sửa đổi, bổ sung biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm: Sửa đổi trong tr- ờng hợp bị can đã đ- ợc Tòa án triệu tập mà vắng mặt không có lý do

chính đáng thì số tiền hoặc tài sản đã đặt sẽ bị sung quỹ nhà n- ớc và trong tr- ờng hợp này bị can sẽ bị áp dụng biện pháp ngăn chặn khác là biện pháp tạm giam.

Thứ hai. Các quyết định của Tòa án trong hoạt động chuẩn bị xét xử

- Áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn

Bổ sung Điều 177: "Trong tr- ờng hợp phải gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử thì thời hạn tạm giam không quá thời hạn chuẩn bị xét xử".

- Quyết định đ- a vụ án ra xét xử. Nội dung quyết định đ- a vụ án ra xét xử: Cần bổ sung thêm cụm từ "ng- ời bảo vệ quyền lợi của đ- ơng sự" vào điểm 7 và từ "tài liệu" vào điểm 10 của điều luật.

- Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung: Cần sửa đổi, bổ sung từ "bị can" thay thế từ "bị cáo". Điều 179 Bộ Luật tố tụng Hình sự quy định 3 căn cứ trả hồ sơ điều tra bổ sung, nên bổ sung thêm căn cứ thứ t- : d) Khi có những lý do khác mà Thẩm phán đ- ợc phân công chủ tọa phiên tòa xét thấy cần phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

- Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án.

Sửa đổi, bổ sung:

1. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa ra quyết định tạm đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ sau:

a. Bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo khác có kết luận của Hội đồng giám định pháp y. Tr- ờng hợp này có thể ra quyết định tạm đình chỉ vụ án tr- ớc khi hết thời hạn chuẩn bị xét xử. Nếu Tòa án đã tr- ng cầu giám định nh- ng ch- a có kết quả giám định mà thời hạn chuẩn bị xét xử đã hết thì Thẩm phán vẫn phải ra quyết định tạm đình chỉ vụ án và việc giám định vẫn đ- ợc tiến hành cho đến khi có kết quả.

b. Bị can, bị cáo trốn và không biết rõ nơi c- trú, nếu còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án phải yêu cầu cơ quan điều tra truy nã. Tr- ờng hợp này chỉ có thể ra quyết định tạm đình chỉ vụ án khi hết hạn chuẩn bị xét xử.

2. Thẩm phán ra quyết định đình chỉ vụ án khi có một trong những căn cứ sau:

a. Khi có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 105, các điểm 3, 4, 5, 6, 7 Điều 107 Bộ Luật này.

b. Khi Viện kiểm sát rút toàn bộ quyết định truy tố tr- ớc khi mở phiên tòa.

Thứ ba. Sắp xếp và quy hoạch lại, sửa đổi và bổ sung một số điều luật trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm vụ án hình sự.

Phần này gồm 2 ch- ơng:

Ch- ơng 23. Tính chất của xét xử phúc thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ch- ơng 24. Thủ tục xét xử phúc thẩm.

Giữ nguyên ch- ơng 23 và đề xuất tách ch- ơng 24 thành 2 ch- ơng mới là:

Ch- ơng 24. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Ch- ơng 25. Xét xử phúc thẩm và thủ tục sau phiên tòa.

Cụ thể nh- sau: Phần thứ t- . Xét xử phúc thẩm

Ch- ơng 23. Tính chất của xét xử phúc thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị.

Ch- ơng 23 giữ nguyên 11 điều luật, từ Điều 230 đến Điều 240.

Ch- ơng 24. Chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Ch- ơng 24 gồm 6 điều luật, từ Điều 241 đến Điều 246.

Ch- ơng 25. Xét xử phúc thẩm và thủ tục sau phiên tòa.

Ch- ơng 25 giữ nguyên 8 điều luật, từ Điều 247 đến Điều 254.

Thứ t- . Thêm mới quy định về định nghĩa hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự áp dụng chung cho cả hai cấp xét xử thành một điều luật:

"Điều xxx . Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự

Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự là hoạt động tố tụng hình sự do ng- ời tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền thực hiện từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa.

Thứ năm. Chuyển Điều 185 Ch- ơng 18 sang Ch- ơng 17 và đổi thành Điều 176a. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm. Nội dung điều luật giữ nguyên.

Thứ sáu. Bổ sung tên Ch- ơng 17: "Chuẩn bị xét xử" thành "Chuẩn bị xét xử sơ thẩm"

3.2.2. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức cùng với các chức danh lãnh đạo của ngành Tòa án.

Áp dụng các loại hình đào tạo tại chỗ, đào tạo từ xa và đào tạo tại các tr- ờng nghiệp vụ.

3.2.3. Tăng c- ờng công tác phối hợp hoạt động giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Ban hành các văn bản liên ngành trong hoạt động tố tụng hình sự và các hoạt động khác liên quan.

3.2.4. Giải pháp khác. Tăng c- ờng hoạt động giải thích pháp luật của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Kết luận ch- ơng 3

KẾT LUẬN

Chuẩn bị xét xử vụ án hình sự là hoạt động tố tụng hình sự bắt buộc phải có trong thực tiễn xét xử vụ án hình sự. Bằng việc kết hợp hài hòa một số ph- ơng pháp nghiên cứu của triết học Mác - Lênin để phân tích quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự; Công trình nghiên cứu đã kế thừa có chọn lọc và phát triển một số kiến thức về pháp luật tố tụng hình sự và một số công trình nghiên cứu khoa học tr- ớc đó để xây dựng cho đề tài luận văn của mình những luận chứng sau:

1. Xây dựng đ- ợc khái niệm về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự và trên cơ sở đó phân tích: Vị trí, vai trò, mục đích, chủ thể và ý nghĩa của chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

2. Phân tích, đánh giá quy định của pháp luật về việc quyết định, áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn của Tòa án trong hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

3. Bằng việc dẫn chứng ví dụ thực tiễn công tác của mình, tác giả đã làm nổi bật đ- ợc một số mệnh đề mang tính lý luận, từ đó có sự so sánh với một số quy định pháp luật tr- ớc để làm rõ hơn sự tiến bộ và phù hợp của những quy định pháp luật đang đ- ợc áp dụng.

4. Một số giải pháp đ- ợc đề xuất trong công trình nghiên cứu của mình đ- ợc đúc rút từ những nguyên nhân hạn chế, v- ớng mắc, khó khăn trong thực tiễn xét xử. Cụ thể, đó là:

- Hoàn thiện và xây dựng pháp luật: Sửa đổi, bổ sung, thêm mới, tách, nhập và sắp xếp lại một số quy định của Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003 về hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

- Công tác cán bộ: Tăng c- ờng bồi d- ỡng và đào tạo cán bộ ngành Tòa án với nhiều hình thức: Đào tạo tại chỗ, đào tạo từ xa kết hợp với đào tạo tại các tr- ờng nghiệp vụ đội ngũ cán bộ quản lý, chuyên môn của ngành về số l- ợng, chất l- ợng cũng nh- đạo đức nghề nghiệp; Tăng c- ờng hoạt động h- ớng dẫn và giải thích pháp luật của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Tăng c- ờng cơ sở vật chất, ph- ơng tiện làm việc đối với cán bộ ngành. áp dụng khoa học công nghệ thông tin để đảm bảo tính nhanh, nhạy, bí mật, an toàn và hiệu quả cao trong hoạt động xét xử;

Tăng c- ờng chế độ đãi ngộ cũng nh- điều chỉnh dần hệ thống thang, bảng l- ơng đối với cán bộ ngành Tòa án.

- Liên kết trong hoạt động xét xử: Tăng c- ờng công tác phối hợp hoạt động giữa Tòa án, Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra Bộ công an, Trại giam, Công an hộ khẩu và các cơ quan khác có liên quan. Điều chỉnh cân bằng mối quan hệ đúng mực giữa Tòa án và những ng- ời tham gia tố tụng, giữa Tòa án và các cơ quan khác có liên quan trong hoạt động xét xử vụ án hình sự.

5. Đề xuất một số giải pháp mang tính hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động xét xử:

- Tăng thẩm quyền cho Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để bảo đảm tính độc lập của họ trong hoạt động xét xử vụ án hình sự.

- Bổ nhiệm Thẩm phán đ- ợc thực hiện một lần và bỏ hình thức bổ nhiệm bằng việc lấy phiếu tín nhiệm thông qua bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Thay vào đó là hình thức thi tuyển, thi sát hạch, xét xử thực tế tr- ớc sự giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và của nhân dân.

- Quy định rõ hơn tính chịu trách nhiệm tr- ớc pháp luật của hoạt động chuẩn bị xét xử vụ án hình sự.

6. Đề xuất một số giải pháp đối với thủ tục rút gọn, ng- ời ch- a thành niên phạm tội và vụ án có yếu tố n- ớc ngoài và so sánh với những vụ án thông th- ờng để tìm ra sự khác biệt giữa các loại vụ án nêu trên đ- ợc quy định tại Bộ Luật tố tụng Hình sự năm 2003.